

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 457 /NBTPC-CBTT  
V/v: Báo cáo bán niên năm 2024

Ninh Bình, ngày 14 tháng 08 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG  
KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty : CTCP Nhiệt điện Ninh Bình
2. Mã chứng khoán : NBP
3. Địa chỉ trụ sở chính : Số 1A- Đường Hoàng Diệu – Phường Thanh Bình - TP Ninh Bình – tỉnh Ninh Bình.
4. Điện thoại : 0229 2210 537 Fax : 0229 3873 762
5. Loại thông tin công bố : Định kỳ
6. Người thực hiện công bố thông tin : Lương Thị Thúy - Người được Ủy quyền Công bố thông tin.
7. Nội dung của thông tin công bố: Thực hiện Thông tư 96/2020/TT- BTC ngày 16/11/2020 về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ;
  - 7.1 Báo cáo tài chính bán niên năm 2024 của CTCP Nhiệt điện Ninh Bình đã kiểm toán được lập bởi Công ty TNHH kiểm toán DELOITTE ( Việt Nam ) lập vào ngày 14 tháng 8 năm 2024 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
  - 7.2 Bản giải trình chênh lệch KQSXKD 6 tháng đầu năm 2024 so với 6 tháng đầu năm 2023.
  - 7.3 Bản giải trình giảm lợi nhuận sau thuế trước và sau kiểm toán 6 tháng đầu năm 2024.
8. Địa chỉ Web Đăng tải toàn văn BCTC : <http://www.nbtpc.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BTGD; BKS
- Lưu TCKT, VT Công ty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP  
LUẬT/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**



Lương Thị Thúy

**Deloitte.**



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

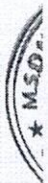
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 23



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Chủ tịch
Ông Trịnh Văn Đoàn	Thành viên
Ông Lê Đức Chấn	Thành viên
Ông Nguyễn Phong Danh	Thành viên
Ông Mai Đình Nhật	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trịnh Văn Đoàn	Tổng Giám đốc
Ông Đường Xuân Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Quốc Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Việt Hòa	Phó Tổng Giám đốc

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Phạm Thanh Bình	Trưởng ban
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên
Bà Vũ Thị Thanh Hải	Thành viên

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH**  
Số 1A, Đường Hoàng Diệu, Phường Thanh Bình  
Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Trịnh Văn Đoàn**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

25  
NH  
VI  
OI  
ETI  
ĐA

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2024 từ trang 04 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Quảng Trung  
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0733-2023-001-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 14 tháng 8 năm 2024  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

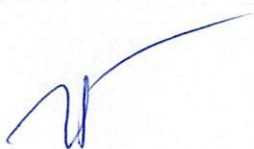
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>605.742.484.864</b>		<b>321.847.794.876</b>	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		12.304.802.542		10.801.792.352	
1. Tiền	111	4	12.304.802.542		10.801.792.352	
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		445.785.140.100		232.748.319.968	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	445.628.993.372		231.864.935.884	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.000.000		3.000.000	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		153.146.728		880.384.084	
III. Hàng tồn kho	140	6	133.329.098.687		74.219.746.842	
1. Hàng tồn kho	141		133.329.098.687		74.219.746.842	
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.323.443.535		4.077.935.714	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	424.439.547		1.010.135.810	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.727.458.194		2.317.562.004	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	171.545.794		750.237.900	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>115.531.736.995</b>		<b>122.805.173.583</b>	
I. Tài sản cố định	220		100.653.582.380		109.362.137.814	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	100.588.765.718		109.232.504.484	
- Nguyên giá	222		604.293.873.113		604.293.873.113	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(503.705.107.395)		(495.061.368.629)	
Tài sản cố định vô hình	227		64.816.662		129.633.330	
- Nguyên giá	228		996.450.000		996.450.000	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(931.633.338)		(866.816.670)	
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.785.783.505			
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	1.785.783.505			
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.500.000.000		2.500.000.000	
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	10	2.500.000.000		2.500.000.000	
IV. Tài sản dài hạn khác	260		10.592.371.110		10.943.035.769	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	7	1.303.005.016		1.610.325.981	
2. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	11	9.289.366.094		9.332.709.788	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>721.274.221.859</b>		<b>444.652.968.459</b>	


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>472.685.207.380</b>		<b>195.049.145.407</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>472.685.207.380</b>		<b>195.049.145.407</b>	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	343.012.700.434		131.250.651.646	
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	687.491.850		1.993.841.116	
3. Phải trả người lao động	314		5.440.391.243		8.787.463.083	
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		295.173.506		68.460.908	
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	2.200.256.572		2.696.333.274	
6. Vay và nợ ngắn hạn	320	15	109.918.997.459		49.816.779.550	
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	16	10.759.205.000		-	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	370.991.316		435.615.830	
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>248.589.014.479</b>		<b>249.603.823.052</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>248.589.014.479</b>		<b>249.603.823.052</b>	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		128.655.000.000		128.655.000.000	
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		109.251.064.979		109.251.064.979	
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.058.530.677		3.058.530.677	
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.624.418.823		8.639.227.396	
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế các năm trước	421a		6.432.750.000		-	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	421b		1.191.668.823		8.639.227.396	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>721.274.221.859</b>		<b>444.652.968.459</b>	

  
Bùi Thị Hạnh  
Người lập biểu

  
Lương Thị Thúy  
Kế toán trưởng


  
Trịnh Văn Đoàn  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2024





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	01		780.682.256.013	391.643.704.446
<b>2. Doanh thu thuần (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>20</b>	<b>780.682.256.013</b>	<b>391.643.704.446</b>
3. Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	11	21	761.952.364.148	352.659.450.332
<b>4. Lợi nhuận gộp (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>18.729.891.865</b>	<b>38.984.254.114</b>
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		91.729.487	84.451.780
6. Chi phí tài chính	22		2.133.358.740	1.252.516.653
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.133.358.740	1.252.516.653
7. Chi phí bán hàng	25		83.172.950	57.400.000
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	15.084.966.633	17.204.762.127
<b>9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>1.520.123.029</b>	<b>20.554.027.114</b>
<b>10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30)</b>	<b>50</b>		<b>1.520.123.029</b>	<b>20.554.027.114</b>
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	328.454.206	4.361.909.255
<b>12. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>1.191.668.823</b>	<b>16.192.117.859</b>
13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	93	1.173

  
Bùi Thị Hạnh  
Người lập biểu

  
Lương Thị Thúy  
Kế toán trưởng

  
Trịnh Văn Đoàn  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.520.123.029	20.554.027.114
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	8.708.555.434	6.773.806.212
Các khoản dự phòng	03	10.759.205.000	13.400.000.000
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(91.729.487)	(84.451.780)
Chi phí lãi vay	06	2.133.358.740	1.252.516.653
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	23.029.512.716	41.895.898.199
Thay đổi các khoản phải thu	09	(223.868.024.216)	72.491.891.071
Thay đổi hàng tồn kho	10	(59.862.999.564)	(42.179.263.033)
Thay đổi các khoản phải trả	11	187.418.361.514	59.427.389.350
Thay đổi chi phí trả trước	12	893.017.228	18.581.262
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.056.367.052)	(1.252.516.653)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.832.951.139)	(1.287.630.732)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	505.200.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.776.301.910)	(6.327.750.677)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(78.550.552.423)	122.786.598.787
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(107.590.783)	(6.373.446.109)
2. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	91.729.487	29.657.259
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.861.296)	(6.343.788.850)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	109.918.997.459	-
2. Tiền trả gốc nợ vay	34	(29.816.779.550)	-
3. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(32.794.000)	(54.482.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	80.069.423.909	(54.482.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	1.503.010.190	116.388.327.437
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	10.801.792.352	11.096.728.395
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	12.304.802.542	127.485.055.832

Bùi Thị Hạnh  
Người lập biểu

Lương Thị Thúy  
Kế toán trưởng

Trịnh Văn Đoàn  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt điện Ninh Bình theo Quyết định số 0421/QĐ-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Bộ Công thương và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2700283389 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Bình cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 3 ngày 20 tháng 04 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch trên sàn chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") từ ngày 06 tháng 8 năm 2009 theo Công văn số 1323/TB-TTLK ngày 21 tháng 7 năm 2009 của HNX với mã giao dịch cổ phiếu là "NBP".

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 363 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 368 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị cơ, nhiệt, điện, công trình kiến trúc nhà máy điện; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị nhà máy điện; mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị; lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý các dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp; vật liệu xây dựng, phụ gia xi măng; đầu tư xây dựng các công trình nguồn điện và lưới điện; kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Căn cứ theo Kết luận Hội nghị làm việc của Ủy ban Nhân dân ("UBND") Tỉnh Ninh Bình với Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN"), công ty mẹ cấp cao nhất, ngày 28 tháng 6 năm 2022, UBND Tỉnh Ninh Bình có đề nghị Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình, dự án nhiệt điện Công ty đang vận hành, cần có lộ trình dừng vận hành để thực hiện quy hoạch chung đô thị Ninh Bình cho giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2050, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Trước đề nghị nêu trên của UBND Tỉnh Ninh Bình, EVN đã có Văn bản số 6349/EVN-KH ngày 06 tháng 11 năm 2022 gửi Văn phòng Chính phủ trong đó có trình bày kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xin phê duyệt để Công ty thực hiện dự án điện khí LNG, hoặc dự án năng lượng sạch tại vị trí khác trên địa bàn tỉnh, thay thế cho Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình hiện hữu.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty sẽ tiếp tục vận hành Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình cho đến khi có quyết định và lộ trình dừng vận hành chính thức. Do đó, Công ty vẫn tiếp tục hoạt động bình thường trong ít nhất 12 tháng tới và báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được lập trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu và các chi phí liên quan trực tiếp phát sinh, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 25
Máy móc, thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	03 – 10
Thiết bị văn phòng	03 – 10

### Thuê tài sản

#### Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

### Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

270  
C  
C  
NH  
N  
NH

1256  
NG 1  
NHH  
1 TOA  
OIT  
TNA  
A - T.P

#### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện khoản phí bảo hiểm, công cụ, dụng cụ và các chi phí trả trước khác, có thời hạn phân bổ trong vòng một năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

#### Chi phí phải trả

Khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ và chứng từ kế toán nhưng đã được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

#### Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### Ghi nhận doanh thu

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Công ty cung cấp dịch vụ phụ trợ cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Lệnh điều độ và phù hợp với Quy định hệ thống điện truyền tải do Bộ Công thương ban hành theo Hợp đồng Cung cấp dịch vụ phụ trợ Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình số 01/2020/DVPT/NMNĐNB-EVN ngày 29 tháng 6 năm 2020 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung.

Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ được ghi nhận hàng tháng bao gồm doanh thu điện theo giá cố định, doanh thu điện theo giá biến đổi; doanh thu điện khởi động và các khoản khác. Trong đó:

- Doanh thu điện theo giá cố định được xác định dựa trên Công suất khả dụng thực hiện và đơn giá cố định.
- Doanh thu điện theo giá biến đổi được xác định dựa trên giá biến đổi và sản lượng điện năng tác dụng được đo đếm tại 0h00 ngày 01 hàng tháng.
- Doanh thu điện khởi động được xác định dựa trên giá nhiên liệu khởi động (than, dầu DO), định mức điện năng tự dùng để khởi động, giá điện mua từ hệ thống điện để khởi động và số lần khởi động của các tổ máy trong tháng.
- Các khoản khác gồm các khoản như phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thuế tài nguyên nước và doanh thu chạy không tải.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### **Phân phối quỹ và phân chia cổ tức**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành; Quỹ đầu tư và phát triển và khoản chia cổ tức cho các Cổ đông được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty theo Điều lệ và đề xuất của Hội đồng Quản trị của Công ty và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

Số liệu sau cùng liên quan đến việc phân phối các quỹ và chia cổ tức nêu trên từ lợi nhuận sau thuế hàng năm sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị các khoản vốn khác nắm giữ bởi chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong kỳ. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	1.088.105.190	1.319.254.921
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.216.697.352	9.482.537.431
	<b>12.304.802.542</b>	<b>10.801.792.352</b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Các đối tượng bên ngoài	1.090.743.516	566.028.116
Các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 27)	444.538.249.856	231.298.907.768
	<b>445.628.993.372</b>	<b>231.864.935.884</b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Nguyên liệu, vật liệu	132.583.243.192	73.654.402.205
Công cụ, dụng cụ	378.031.537	235.070.062
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	35.800.037	4.776.298
Thành phẩm	332.023.921	325.498.277
	<b>133.329.098.687</b>	<b>74.219.746.842</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho nào cần phải trích lập.

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí bảo hiểm	85.673.700	255.198.100
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	36.840.323	56.834.060
Chi phí trả trước khác	301.925.524	698.103.650
	<b>424.439.547</b>	<b>1.010.135.810</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Giấy phép môi trường	572.516.000	621.588.800
Hệ thống quan trắc Online	306.367.423	428.914.393
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	204.328.793	316.999.588
Chi phí trả trước khác	219.792.800	242.823.200
	<b>1.303.005.016</b>	<b>1.610.325.981</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	84.683.723.895	475.591.765.110	20.464.415.578	23.553.968.530	604.293.873.113
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu kỳ	83.678.437.834	375.338.654.589	18.446.965.702	17.597.310.504	495.061.368.629
Khấu hao trong kỳ	57.997.278	7.405.438.308	283.245.831	897.057.349	8.643.738.766
Số dư cuối kỳ	83.736.435.112	382.744.092.897	18.730.211.533	18.494.367.853	503.705.107.395
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư đầu kỳ	1.005.286.061	100.253.110.521	2.017.449.876	5.956.658.026	109.232.504.484
Số dư cuối kỳ	947.288.783	92.847.672.213	1.734.204.045	5.059.600.677	100.588.765.718

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 439.749.353.114 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 437.195.192.343 đồng).



9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí vật liệu và chi phí nhân công thực tế phát sinh trong kỳ liên quan đến các công việc sửa chữa lớn và bảo dưỡng tài sản cố định.

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	2.500.000.000	2.500.000.000

Tại ngày ngày 30 tháng 6 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc với tỷ lệ sở hữu là 2,08%. Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

11. THIẾT BỊ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Phụ tùng, vật liệu phụ	9.289.366.094	9.332.709.788

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị vật tư, thiết bị dự phòng có thời hạn sử dụng ước tính trên 12 tháng.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
a. Các đối tượng bên ngoài		
Tổng Công ty Đông Bắc	307.887.379.310	118.445.758.459
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	30.280.754.218	-
Khác	3.942.126.754	6.870.364.501
	<b>342.110.260.282</b>	<b>125.316.122.960</b>
b. Các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 27)	902.440.152	5.934.528.686
	<b>343.012.700.434</b>	<b>131.250.651.646</b>

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã căn trừ trong kỳ VND	Phân loại lại VND	Số cuối kỳ VND
<b>a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	171.545.794	171.545.794
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	750.237.900	-	-	(750.237.900)	-
	<b>750.237.900</b>	-	-	<b>(578.692.106)</b>	<b>171.545.794</b>

	Số đầu kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Phân loại lại VND	Số cuối kỳ VND
<b>b. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.332.951.139	328.454.206	1.832.951.139	(171.545.794)	-
Thuế thu nhập cá nhân	5.910.000	788.356.506	752.840.068	-	41.426.438
Thuế tài nguyên	654.979.977	4.066.276.986	4.127.191.551	-	594.065.412
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.296.610.350	1.494.372.450	750.237.900	52.000.000
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	738.188.000	738.188.000	-	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	<b>1.993.841.116</b>	<b>8.220.886.048</b>	<b>8.948.543.208</b>	<b>578.692.106</b>	<b>687.491.850</b>

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Cổ tức phải trả	1.709.284.279	1.742.078.279
Khác	490.972.293	954.254.995
	<b>2.200.256.572</b>	<b>2.696.333.274</b>

15. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ VND	Trong kỳ	Số cuối kỳ VND
	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ	Tăng Giảm	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Quân Đội	49.816.779.550	170.738.997.459 110.636.779.550	109.918.997.459

Ngày 16 tháng 11 năm 2023, Công ty này đã ký hợp đồng tín dụng số 166039.23.065.1298577 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng với tổng mức hạn vay là 120 tỷ đồng, phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh điện. Thời hạn cấp tín dụng tính từ ngày ký hợp đồng vay đến hết ngày 02 tháng 10 năm 2024. Thời hạn vay của khoản vay được chi tiết theo giấy nhận nợ từng lần vay không quá 5 tháng cho từng lần nhận nợ. Lãi suất được trả vào ngày 25 hàng tháng và ngày hoàn trả toàn bộ nợ cuối cùng không muộn hơn ngày kết thúc khoản vay. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 dư nợ gốc khoản vay là 109.918.997.459 đồng và không có tài sản đảm bảo.

16. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty đã trích lập khoản dự phòng phải trả ngắn hạn cho việc sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ theo kế hoạch năm.

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	435.615.830	1.412.900.891
Tăng trong kỳ	2.711.677.396	7.764.236.617
- Trích lập quỹ (chi tiết thuyết minh số 18)	2.206.477.396	7.538.356.617
- Khác	505.200.000	225.880.000
Giảm trong kỳ	(2.776.301.910)	(8.741.521.678)
- Sử dụng quỹ	(2.776.301.910)	(8.741.521.678)
Số dư cuối kỳ	<u>370.991.316</u>	<u>435.615.830</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/06/2024		31/12/2023	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần	7.045.440	54,76	7.045.440	54,76
Công ty Cổ phần Năng lượng REE	3.789.400	29,45	3.789.400	29,45
Khác	2.030.660	15,79	2.030.660	15,79
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12.865.500	100,00	12.865.500	100,00

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023		Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024		Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	8.639.227.396	-	8.639.227.396	-	8.639.227.396
Sử dụng quỹ đầu tư phát triển	-	-	16.461.382.727	(16.461.382.727)	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(7.538.356.617)	-	(7.538.356.617)	-	(7.538.356.617)
Chia cổ tức năm 2022	-	-	-	(16.725.150.000)	-	(16.725.150.000)	-	(16.725.150.000)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>128.655.000.000</b>	<b>128.655.000.000</b>	<b>109.251.064.979</b>	<b>3.058.530.677</b>	<b>8.639.227.396</b>	<b>249.603.823.052</b>	<b>8.639.227.396</b>	<b>249.603.823.052</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	1.191.668.823	1.191.668.823	-	1.191.668.823
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(2.206.477.396)	(2.206.477.396)	-	(2.206.477.396)
<b>Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024</b>	<b>128.655.000.000</b>	<b>128.655.000.000</b>	<b>109.251.064.979</b>	<b>3.058.530.677</b>	<b>7.624.418.823</b>	<b>248.589.014.479</b>	<b>7.624.418.823</b>	<b>248.589.014.479</b>

(i) Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2023 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình số 304/NQ-ĐHĐCĐ-NBTPC ngày 07 tháng 6 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023. Theo đó, Công ty trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 2.206.477.396 đồng (trong đó: đối với người lao động là 1.914.944.771 đồng và nhân sự quản lý là 291.532.625 đồng) và chia cổ tức bằng 5% vốn điều lệ, tương ứng với số tiền là 6.432.750.000 đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Ban Tổng Giám đốc chưa công bố phương án chi trả cổ tức này.

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và bán điện trong nội địa. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong kỳ cũng như các kỳ kế toán trước. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 và từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu thuần về bán điện	777.445.932.231	389.317.327.334
Doanh thu thuần về bán hàng, cho thuê và cung cấp dịch vụ khác	3.236.323.782	2.326.377.112
	<u>780.682.256.013</u>	<u>391.643.704.446</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG HÓA VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn điện bán	759.831.772.879	350.994.363.969
Giá vốn hàng hóa bán, cho thuê và dịch vụ khác cung cấp	2.120.591.269	1.665.086.363
	<u>761.952.364.148</u>	<u>352.659.450.332</u>

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhiên liệu và vật tư	695.886.973.702	292.584.015.257
Chi phí nhân công	43.513.100.381	39.082.494.981
Chi phí sửa chữa lớn	10.759.205.000	13.400.000.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.708.555.434	6.773.806.212
Các khoản dịch vụ mua ngoài	1.709.316.561	1.600.132.266
Chi phí bằng tiền khác	16.543.352.653	16.481.163.743
	<u>777.120.503.731</u>	<u>369.921.612.459</u>

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	6.042.555.799	6.116.297.496
Thuế và các khoản lệ phí	2.310.482.259	1.940.236.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	470.583.000	502.168.864
Dịch vụ mua ngoài	631.608.103	495.649.214
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	317.915.402	345.746.831
Chi phí khác	5.311.822.070	7.804.663.322
	<u>15.084.966.633</u>	<u>17.204.762.127</u>

21  
 NG  
 P  
 H  
 H  
 00-c  
 TY  
 AN  
 CTE  
 AM  
 P H

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	1.520.123.029	20.554.027.114
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(75.000.000)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	197.147.000	1.255.519.162
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>1.642.271.029</b>	<b>21.809.546.276</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>328.454.206</b>	<b>4.361.909.255</b>

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập từ các hoạt động kinh doanh theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này VND	Kỳ trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.191.668.823	16.192.117.859
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (bằng 1/2 số phê duyệt cho cả năm) (VND) (*)	-	(1.103.238.668)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>1.191.668.823</b>	<b>15.088.879.191</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	12.865.500	12.865.500
<b>Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>93</b>	<b>1.173</b>

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được trích lập vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính 2024 do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ thay đổi.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 18, Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2023 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình số 304/NQ-ĐHĐCĐ-NBTPC ngày 07 tháng 6 năm 2024 đã thông qua phương án trích lập trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi là 2.206.477.396 đồng (trong đó: đối với người lao động là 1.914.944.771 đồng và nhân sự quản lý là 291.532.625 đồng) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 và các năm trước đây dẫn đến việc trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.192.117.859	16.192.117.859
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (bằng 1/2 số phê duyệt cho cả năm) (VND)	-	(1.103.238.668)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>16.192.117.859</b>	<b>15.088.879.191</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	12.865.500	12.865.500
<b>Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.259</b>	<b>1.173</b>

26. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	2.244.610.350	1.869.491.400

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Dưới 1 năm	4.489.220.700	4.489.220.700
Từ 2 đến 5 năm	17.956.882.800	17.956.882.800
Trên 5 năm	75.460.763.236	82.188.444.669
	<b>97.906.866.736</b>	<b>104.634.548.169</b>

- Tổng số tiền thuê 139.419,4 m<sup>2</sup> tại phường Thanh Bình, tỉnh Ninh Bình với giá thuê 17.335 VND/m<sup>2</sup>/năm. Hợp đồng thuê đất số 32/HĐ-TĐ19/09/2011 được ký với thời hạn 34 năm tính từ năm 2011.
- Tổng số tiền thuê 58.054,4 m<sup>2</sup> tại phường Bích Đào, tỉnh Ninh Bình với giá thuê 12.720 VND/m<sup>2</sup>/năm. Hợp đồng thuê đất số 241/HĐ-TĐ29/05/2001 được ký với thời hạn 45 năm tính từ năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 39.122,5 m<sup>2</sup> tại phường Bích Đào, tỉnh Ninh Bình với giá thuê 12.720 VND/m<sup>2</sup>/năm. Hợp đồng thuê đất số 423/HĐ-TĐ25/10/2001 được ký với thời hạn 45 năm tính từ năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 8.154 m<sup>2</sup> tại phường Thanh Bình, tỉnh Ninh Bình với giá thuê 92.266 VND/m<sup>2</sup>/năm. Hợp đồng thuê đất số 45/HĐ-TĐ20/11/1997 được ký với thời hạn 49 năm tính từ năm 1996.
- Tổng số tiền thuê 5.077,3 m<sup>2</sup> tại phường Thanh Bình, tỉnh Ninh Bình với giá thuê 16.536 VND/m<sup>2</sup>/năm. Hợp đồng thuê đất số 32/HĐ-TĐ19/09/2011 được ký với thời hạn 34 năm tính từ năm 2011.

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

**Bên liên quan**

Tập đoàn Điện lực Việt Nam  
 Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần  
 Công ty Mua Bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam  
  
 Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin –  
 Tập đoàn Điện lực Việt Nam  
 Công ty TNHH Năng lượng REE  
 Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc  
 Trường Cao đẳng Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh  
 Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ cấp cao nhất  
 Công ty mẹ  
 Chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ cấp cao nhất  
 Chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ cấp cao nhất  
 Cổ đông lớn  
 Bên liên quan khác  
 Bên liên quan khác  
 Bên liên quan khác



Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Bán hàng hóa, dịch vụ</b>		
Công ty Mua Bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	777.445.932.231	389.959.184.399
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		
Trường Cao đẳng Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	-	132.962.727
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	151.645.844	-
	<b>151.645.844</b>	<b>132.962.727</b>
<b>Lợi nhuận, cổ tức nhận được trong kỳ</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	75.000.000	-

Tổng thu nhập Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và các nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương - Chủ tịch HĐQT	37.908.000	37.500.000
Ông Trịnh Văn Đoàn - Tổng Giám đốc	208.090.500	206.984.500
Ông Đường Xuân Hồng - Phó Tổng Giám đốc	184.356.000	183.382.000
Ông Vũ Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc	184.356.000	182.000.000
Ông Đỗ Việt Hòa - Phó Tổng Giám đốc	184.356.000	183.382.000
Ông Lê Đức Chấn - Thành viên HĐQT	32.292.000	31.944.000
Ông Nguyễn Phong Danh - Thành viên HĐQT	32.292.000	31.944.000
Ông Mai Đình Nhật - Thành viên HĐQT	32.292.000	31.944.000
Bà Lương Thị Thúy - Kế toán trưởng	168.979.000	168.116.000
	<b>1.064.921.500</b>	<b>1.057.196.500</b>

Tổng thu nhập Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Phạm Thị Thanh Bình - Trưởng ban Kiểm soát	191.781.500	190.749.000
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt - Thành viên BKS	32.292.000	31.944.000
Bà Vũ Thị Thanh Hải - Thành viên BKS	32.292.000	31.944.000
	<b>256.365.500</b>	<b>254.637.000</b>

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty Mua Bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	444.538.249.856	231.298.907.768
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	-	3.512.700.000
Công ty TNHH MTV thí nghiệm điện miền Bắc	-	1.327.879.008
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	902.440.152	738.662.641
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin - CN Tập đoàn điện lực Việt Nam	-	355.287.037
	<b>902.440.152</b>	<b>5.934.528.686</b>

28. NGHĨA VỤ HOÀN NGUYÊN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời hạn kết thúc dự án của các nhà máy điện. Theo các quy định có liên quan việc trích trước chi phí hoàn nguyên môi trường phải được thực hiện theo cơ chế chính sách áp dụng cho từng ngành nghề, từng đơn vị. Công ty chưa ước tính giá trị của nghĩa vụ hoàn nguyên này vì đây là lĩnh vực kỹ thuật phức tạp và liên quan đến tính toán giá thành điện. Theo đó Công ty mẹ đang trao đổi với Tập đoàn để có hướng dẫn cụ thể hơn; đồng thời theo dõi các cập nhật về cơ chế chính sách về dự phòng hoàn nguyên áp dụng cho lĩnh vực sản xuất điện trong việc ước tính giá trị của nghĩa vụ này.

29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Chi phí mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác phát sinh trong năm bao gồm số tiền chưa thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 mà đã thanh toán trong năm nay là 107.590.783 đồng. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Bùi Thị Hạnh  
Người lập biểu



Lương Thị Thúy  
Kế toán trưởng



Trịnh Văn Đoàn  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2024

